

ỦY BAN CHỨNG
KHOÁN NHÀ NƯỚC
Số: 01/2001/TT-UBCK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 2 năm 2001

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 22/2000/NĐ-CP ngày 10/7/2000 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán

Thi hành Điều 22 Nghị định số 22/2000/NĐ-CP ngày 10/7/2000 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (sau đây viết tắt là Nghị định), Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hướng dẫn cụ thể một số điểm như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, NGUYÊN TẮC XỬ PHẠT, ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

1. Đối tượng bị xử phạt

Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán được quy định tại Khoản 3, Điều 1 - Nghị định bao gồm:

1.1. Tổ chức, cá nhân trong nước khi:

- Thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Chương II Nghị định;
- Hành vi vi phạm hành chính được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam;
- Hành vi vi phạm hành chính vẫn còn trong thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, quy định tại Điều 3, Nghị định.

1.2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài vi phạm theo quy định tại điểm 1.1 nói trên cũng bị xử phạt theo các quy định của Nghị định và Thông tư này, trừ trường hợp các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

2. Nguyên tắc xử phạt

Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán phải tuân theo các quy định tại các Điều 2, 3, 15 và 17 Nghị định và nguyên tắc xử phạt tại Điều 3 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính (sau đây viết tắt là Pháp lệnh). Khi áp dụng các nguyên tắc đó cần lưu ý những vấn đề sau:

2.1 Nguyên tắc đúng thẩm quyền:

Chỉ có những người có thẩm quyền quy định tại Chương III Nghị định, mới được ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, với hình thức và mức phạt trong phạm vi thẩm quyền quy định. Không được phép tách một vi phạm thành nhiều vi phạm nhỏ hoặc gộp nhiều vi phạm nhỏ thành một vi phạm lớn hơn, nhằm mục đích thay đổi thẩm quyền xử phạt.

2.2 Nguyên tắc đúng đối tượng:

Mọi đối tượng thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điểm 1 Thông tư này, đều bị xử phạt theo Nghị định.

Một đối tượng thực hiện nhiều hành vi vi phạm thì người đó bị xử phạt về từng hành vi vi phạm. Nhiều đối tượng cùng thực hiện một hành vi vi phạm thì mỗi đối tượng đều bị xử phạt vi phạm tương ứng với hành vi vi phạm do mình gây ra. Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị phạt một lần.

Không xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

2.3 Nguyên tắc đúng mức độ:

Hình thức, mức độ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán phải căn cứ vào tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm. Tuy nhiên, khi xác định hình thức và mức độ xử phạt, cần xét thêm về nhân thân và những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để có quyết định phù hợp.

Các tình tiết giảm nhẹ, khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm:

- Vi phạm do thiếu hiểu biết pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và không gây thiệt hại lớn;
- Vi phạm do hành vi vi phạm của người khác;
- Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính đã ngăn chặn làm giảm bớt tác hại của vi phạm và tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại.

Các tình tiết tăng nặng, khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm:

- Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần;
- Hành vi vi phạm có tính chất cấu kết, có tổ chức;
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc nghề nghiệp được giao để xúi giục, lôi kéo, ép buộc người khác vi phạm;
- Vi phạm trong thời gian đang chấp hành quyết định xử phạt;

Sau khi vi phạm đã có những hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm.

2.4 Nguyên tắc kịp thời, triệt để:

Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền và nghĩa vụ phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các phát hiện đó phải được thông báo cho những người có thẩm quyền xử phạt hành chính. Khi nhận được thông báo hoặc yêu cầu xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, người có thẩm quyền phải xúc tiến ngay các thủ tục cần thiết để đảm bảo đình chỉ ngay việc vi phạm và khắc phục hậu quả.

2.5 Nguyên tắc đúng thủ tục:

Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán phải được tiến hành theo đúng thủ tục quy định tại các Điều từ 45 đến 56 Pháp lệnh.

3. Áp dụng các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Khi thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, người có thẩm quyền xử phạt không những phải căn cứ vào các quy định của Pháp lệnh và Nghị định, mà còn phải căn cứ vào các quy định tại Nghị định

48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

II. XÁC ĐỊNH CÁC HÀNH VI VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

1. Hành vi vi phạm các quy định về phát hành chứng khoán ra công chúng (Điều 4 Nghị định)

1.1 Hành vi che giấu sự thật khi lập các hồ sơ, thủ tục để xin phép phát hành chứng khoán ra công chúng của tổ chức phát hành, bằng các thông tin sai lệch trong các báo cáo tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, cơ cấu về vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, lỗ, lãi.

1.2 Hành vi không tuân theo quy định về trình tự các bước trong việc tổ chức phát hành chứng khoán ra công chúng:

a) Sử dụng các thông tin ngoài bản cáo bạch để thăm dò thị trường trước khi được phép phát hành chứng khoán;

b) Phân phối chứng khoán trước khi thực hiện việc công bố phát hành;

c) Phát hành chứng khoán không theo đúng nội dung ghi trong giấy phép phát hành về số lượng, chủng loại chứng khoán, thời hạn phát hành;

d) Thông cáo phát hành chứng khoán trên các phương tiện thông tin đại chúng không đúng nội dung và thời gian quy định hoặc đăng ký phát hành không công bố rõ ràng các thông tin về quyền biểu quyết, quyền đăng ký mua chứng khoán, quyền chuyển đổi chứng khoán và quyền khác cho các cổ đông và người đầu tư.

1.3 Hành vi giả mạo trong hồ sơ xin phép phát hành.

1.4 Hành vi phát hành chứng khoán ra công chúng khi chưa có giấy phép phát hành.

2. Hành vi vi phạm các quy định về hoạt động giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán tập trung (Điều 5 Nghị định).

2.1 Hành vi thao túng thị trường của tổ chức, cá nhân tiến hành trong khi thực hiện mua bán chứng khoán tại thị trường chứng khoán tập trung:

a) Tự mình hoặc thông đồng với người khác thực hiện đồng thời việc mua hoặc bán một loại chứng khoán nhằm mục đích tạo ra cung cầu hoặc giá cả giả tạo;

b) Mua hoặc bán một loại chứng khoán mà không thực hiện việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán.

c) Tuyên truyền thông tin sai sự thật gây nhiễu loạn thị trường chứng khoán;

d) Liên tục mua chứng khoán giá cao hoặc liên tục bán chứng khoán với giá thấp để làm thay đổi giá chứng khoán trên thị trường.

2.2 Hành vi mua bán nội gián của tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 70 Nghị định 48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán là hành vi sử dụng các thông tin có liên quan đến giá và khối lượng giao dịch chứng khoán của một tổ chức niêm yết chưa được công bố ra công chúng để trực tiếp hoặc gián tiếp mua, bán chứng khoán.

2.3 Hành vi bán khống chứng khoán của tổ chức, cá nhân được thực hiện dưới hình thức bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán tại thời điểm giao dịch.

2.4 Hành vi mua, bán lại chứng khoán của chính mình khi chưa được phép của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2.5 Mua bán chứng khoán niêm yết ngoài Trung tâm giao dịch chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán.

3. Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ cổ đông hoặc thu tóm doanh nghiệp (Điều 6 - Nghị định)

3.1 Hành vi thu tóm và sáp nhập doanh nghiệp:

a) Tổ chức, cá nhân mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán tập trung làm thay đổi việc nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc không còn nắm giữ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành mà không báo cáo cho Trung tâm giao dịch chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán, trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày thanh toán giao dịch.

b) Tổ chức, cá nhân và người có liên quan thực hiện mua chứng khoán trên thị trường chứng khoán tập trung để nắm giữ trên 25% cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành mà không thông qua phương thức tổ chức đấu giá công khai theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3.2 Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ cổ đông: